

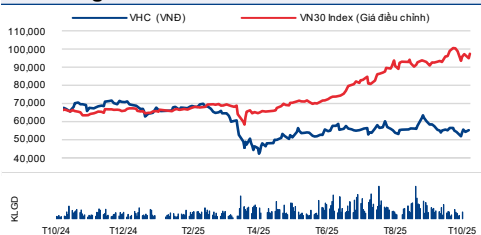
Mua vào

Giá mục tiêu: VND71,000
Tiềm năng tăng/giảm: 26.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/10/2025)	56,200
Mã Bloomberg	VHC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	42,280-71,610
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	55,267
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	12,614
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	479
Slg CP lưu hành (tr.đv)	224
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	224
Slg CP NN được mua (tr.đv)	160
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	28.8%
Tỷ lệ freefloat	56.7%
Cổ đông lớn	Trương Thị Lệ Khanh (43.3%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	12,535	12,504	13,825
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,744	1,975	2,156
LN TT (tỷ đồng)	1,496	1,784	1,847
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,234	1,470	1,523
FCF (tỷ đồng)	1,408	1,441	(204)
EPS ĐC (đồng)	5,496	6,551	6,785
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000
BVPS (đồng)	38,685	44,712	50,813
T.trưởng EBITDA (%)	24.7	13.3	9.14
T.trưởng EPS ĐC (%)	31.9	(0.67)	3.57
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.9	15.8	15.6
Tỷ suất LN TT (%)	11.9	14.3	13.4
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.84	11.8	11.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	30.3	30.5	29.5
Nợ thuần/VCSH (%)	20.1	5.69	12.8
ROAE (%)	14.5	15.7	14.2
ROACE (%)	14.5	15.3	14.4
EV/doanh thu (lần)	1.14	1.05	1.02
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.21	6.66	6.51
P/E ĐC (lần)	10.2	8.58	8.28
P/B (lần)	1.45	1.26	1.11
Lợi suất cổ tức (%)	3.56	3.56	3.56

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VHC là công ty xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Thị trường xuất khẩu chính gồm: Mỹ, Trung Quốc và Châu Âu.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q3/2025: KQKD vững chắc nhờ lợi nhuận tài chính

- Lợi nhuận thuần Q3/2025 tăng 35% so với cùng kỳ đạt 433 tỷ đồng, được thúc đẩy bởi 94 tỷ đồng doanh thu HĐ tài chính (chủ yếu đến từ lãi tỷ giá thuần và thu nhập lãi thuần). Trong khi đó, doanh thu thuần tăng nhẹ 5,9% so với cùng kỳ.
- Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2025 đi ngang ở mức 9.312 tỷ đồng trong khi lợi nhuận thuần tăng 39,8% so với cùng kỳ đạt 1.125 tỷ đồng nhờ chi phí nuôi trồng giảm. Tất cả các kết quả đều sát với kỳ vọng của HSC.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 71.000đ. Cổ phiếu đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 8,4 lần, thấp hơn 1,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 10,3 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

VHC công bố KQKD Q3/2025 vững chắc, với lợi nhuận thuần 433 tỷ đồng (tăng 35% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 3.471 tỷ đồng (tăng 5,9% so với cùng kỳ). Lợi nhuận thuần cao hơn 14% so với kỳ vọng của HSC ở mức 380 tỷ đồng, trong khi doanh thu thuần nhìn chung sát với dự báo ở mức 3.450 tỷ đồng.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần đạt 1.125 tỷ đồng (tăng 39,8% so với cùng kỳ) trong khi doanh thu thuần nhìn chung đi ngang ở mức 9.312 tỷ đồng (giảm 0,2% so với cùng kỳ). Với kết quả này, công ty đã hoàn thành lần lượt 74,5% và 76,5% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cho cả năm của chúng tôi, sát với dự báo.

Mảng cá tra yếu, kéo giảm doanh thu

Doanh thu cá tra Q3/2025 đạt 1.760 tỷ đồng, giảm 7,9% so với cùng kỳ, trong khi doanh thu phụ phẩm tăng mạnh 29,2% so với cùng kỳ đạt 579 tỷ đồng, và doanh thu Collagen & Gelatin tăng 19,5% so với cùng kỳ đạt 208 tỷ đồng. Doanh thu các sản phẩm khác (bao gồm thức ăn chăn nuôi, dầu cá, v.v.) tăng 28% so với cùng kỳ đạt 893 tỷ đồng.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu cá tra đạt 4.899 tỷ đồng, giảm 3,9% so với cùng kỳ, trong khi doanh thu phụ phẩm cải thiện 9,5% so với cùng kỳ lên 1.473 tỷ đồng. Doanh thu Collagen & Gelatin và các sản phẩm giá trị gia tăng giảm lần lượt 3,8% và 19% so với cùng kỳ xuống 607 tỷ đồng và 94 tỷ đồng. Doanh thu các sản phẩm khác đạt 2.239 tỷ đồng, tăng 4,7% so với cùng kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2025 & 9 tháng đầu năm 2025, VHC

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	3,278	3,471	5.9%	9,329	9,312	-0.2%
Giá vốn hàng bán	(2,699)	(2,887)	7.0%	(8,023)	(7,768)	-3.2%
Lợi nhuận gộp	579	584	0.9%	1,306	1,544	18.2%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	17.7%	16.8%		14.0%	16.6%	
Lợi nhuận tài chính	(25)	94	-481.8%	108	235	116.5%
Doanh thu tài chính	56	116	106.5%	280	341	21.8%
Chi phí QL&BH	(161)	(146)	-9.1%	(434)	(415)	-4.3%
Chi phí QL&BH / doanh thu (%)	4.9%	4.2%		4.7%	4.5%	
Lợi nhuận HĐ	394	533	35.4%	982	1,367	39.1%
Thu nhập thuần khác	8	1	-81.1%	29	20	-32.1%
LN TT	402	535	33.2%	1,011	1,387	37.1%
Lợi nhuận thuần	321	433	35.0%	804	1,125	39.8%

Nguồn: VHC

Doanh thu giảm do thị trường Mỹ và Trung Quốc suy yếu

Doanh thu xuất khẩu sang Mỹ giảm 10,7% so với cùng kỳ xuống 1.022 tỷ đồng, đóng góp 29,4% vào tổng doanh thu (so với mức 35,5% trong Q3/2024). Doanh thu xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 22,9% so với cùng kỳ xuống 225 tỷ đồng, đóng góp 6,5% vào tổng doanh thu (so với mức 9,1% trong Q3/2024). Doanh thu xuất khẩu sang EU tăng 22,7% so với cùng kỳ đạt 616 tỷ đồng, đóng góp 17,7% vào tổng doanh thu (so với mức 15,6% trong Q3/2024). Doanh thu xuất khẩu sang các thị trường còn lại tăng 9,1% so với cùng kỳ đạt 1.399 tỷ đồng.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu xuất khẩu sang Mỹ giảm gần 2% so với cùng kỳ xuống 2.861 tỷ đồng, vẫn đóng góp 30,7% vào tổng doanh thu (so với mức 31,3% trong 9 tháng đầu năm 2024). Doanh thu xuất khẩu sang EU đạt 1.771 tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ và đóng góp 19% vào tổng doanh thu (so với mức 17,1% trong 9 tháng đầu năm 2024). Trong khi đó, doanh thu xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 32,7% so với cùng kỳ xuống 225 tỷ đồng, đóng góp 6,7% vào tổng doanh thu (so với mức 10% trong 9 tháng đầu năm 2024).

Tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp do sản lượng tiêu thụ và giá bán bình quân giảm

Lợi nhuận gộp chỉ tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ lên 584 tỷ đồng, thấp hơn so với mức tăng 5,9% so với cùng kỳ của doanh thu thuần. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 16,8% (so với mức 17,7% trong Q3/2024), do sản lượng tiêu thụ cá tra và giá bán bình quân giảm. Dựa trên dữ liệu từ Tổng cục Hải quan, HSC ước tính sản lượng tiêu thụ Q3/2025 giảm 18,2% so với cùng kỳ trong khi giá bán bình quân giảm khoảng 1,7% so với cùng kỳ.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận gộp đạt 1.544 tỷ đồng, tăng 18,2% so với cùng kỳ, vượt trội so với mức tăng của doanh thu (gần như đi ngang). Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 16,6% (so với mức 14% trong 9 tháng đầu năm 2024) nhờ chi phí nuôi trồng giảm.

Lợi nhuận tài chính thúc đẩy lợi nhuận

Trong Q3/2025, lợi nhuận tài chính đạt 94 tỷ đồng (so với lỗ tài chính 25 tỷ đồng trong Q3/2024) nhờ lãi tỷ giá (chuyển sang lãi thuần 43 tỷ đồng từ lỗ thuần 32 tỷ đồng trong Q3/2024) và thu nhập lãi thuần tăng mạnh (tăng 340% so với cùng kỳ lên 23 tỷ đồng), trong khi hoạt động giao dịch chứng khoán ghi nhận khoản lỗ thuần 16 tỷ đồng (so với lãi thuần 1,5 tỷ đồng trong Q3/2024). Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận HĐ tài chính đạt 235 tỷ đồng, tăng 116,5% so với cùng kỳ.

Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm

Chi phí bán hàng Q3/2025 ở mức 71 tỷ đồng, giảm 21,4% so với cùng kỳ, nhờ chi phí thuê ngoài giảm 12,6% so với cùng kỳ và các chi phí khác giảm 40,5% so với cùng kỳ. Trong khi đó, chi phí quản lý tăng nhẹ 6,5% so với cùng kỳ lên 76 tỷ đồng do chi phí cho nhân viên và phúc lợi tăng 22,3% so với cùng kỳ. Theo đó, chi phí bán hàng & quản lý giảm 9,1% so với cùng kỳ xuống 146 tỷ đồng và tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm xuống 4,2% từ mức 4,9% trong Q3/2024.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu đạt 4,5%, thấp hơn mức 4,7% trong 9 tháng đầu năm 2024.

Duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu

Doanh thu và lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2025 sát với dự báo. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu theo phương pháp DCF là 71.000đ (tiềm năng tăng giá 26%). VHC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 8,4 lần, thấp hơn 1,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2022.

Chúng tôi giữ nguyên dự báo cho năm 2025 với lợi nhuận thuần đạt 1.470 tỷ đồng (tăng trưởng 19,2%) và doanh thu thuần 12.504 tỷ đồng (không đổi so với cùng kỳ).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu Q3/2025 & 9 tháng đầu năm 2025 theo các mảng sản phẩm chính, VHC

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ
Cá tra	1,912	1,760	-7.9%	5,099	4,899	-3.9%
Phụ phẩm	448	579	29.2%	1,345	1,473	9.5%
Collagen & gelatin	174	208	19.5%	631	607	-3.8%
Sản phẩm GTGT	46	31	-32.6%	116	94	-19.0%
Các sản phẩm khác	698	893	28.0%	2,138	2,239	4.7%
Tổng	3,278	3,471	5.9%	9,329	9,312	-0.2%

Nguồn: VHC

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu Q3/2025 & 9 tháng đầu năm 2025 theo thị trường, VHC

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ
Mỹ	1,145	1,022	-10.7%	2,917	2,861	-1.9%
EU	502	616	22.7%	1,592	1,771	11.2%
Trung Quốc	292	225	-22.9%	931	627	-32.7%
Các thị trường khác	1,282	1,399	9.1%	3,889	4,053	4.2%
Tổng	3,221	3,471	7.8%	9,329	9,312	-0.2%

Nguồn: VHC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	10,033	12,535	12,504	13,825	15,286
Lợi nhuận gộp	1,493	1,891	2,118	2,354	2,644
Chi phí BH&QL	(524)	(639)	(663)	(740)	(818)
Thu nhập khác	50.0	66.9	56.3	0	0
Chi phí khác	(23.2)	(31.8)	(19.9)	0	0
EBIT	996	1,288	1,492	1,614	1,826
Lãi vay thuần	148	207	292	233	271
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0.80	2.24	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	1,145	1,496	1,784	1,847	2,097
Chi phí thuế TNDN	(171)	(186)	(221)	(229)	(260)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(54.6)	(77.1)	(91.8)	(95.1)	(108)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	919	1,234	1,470	1,523	1,729
Lợi nhuận thuần ĐC	919	1,234	1,470	1,523	1,729
EBITDA ĐC	1,398	1,744	1,975	2,156	2,354
EPS (đồng)	5,000	6,596	6,551	6,785	7,702
EPS ĐC (đồng)	5,000	6,596	6,551	6,785	7,702
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	184	187	224	224	224
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	187	224	224	224	224
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	187	224	224	224	224

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	233	570	1,232	349	(182)
Đầu tư ngắn hạn	2,069	2,340	2,887	3,753	4,879
Phải thu khách hàng	1,578	2,207	2,175	2,300	2,602
Hàng tồn kho	3,763	2,911	2,789	3,804	3,714
Các tài sản ngắn hạn khác	245	213	226	274	279
Tổng tài sản ngắn hạn	7,888	8,241	9,309	10,480	11,291
TSCĐ hữu hình	3,081	3,059	3,301	3,672	4,158
TSCĐ vô hình	463	471	443	414	384
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	55.9	55.9	50.0	50.0	50.0
Đầu tư vào Cty LD,LK	11.3	13.5	11.3	11.3	11.3
Tài sản dài hạn khác	444	408	393	383	363
Tổng tài sản dài hạn	4,054	4,008	4,198	4,531	4,966
Tổng cộng tài sản	11,943	12,249	13,507	15,010	16,257
Nợ ngắn hạn	2,157	2,277	1,777	1,777	1,277
Phải trả người bán	309	272	364	370	391
Nợ ngắn hạn khác	617	544	676	723	757
Tổng nợ ngắn hạn	3,233	3,193	3,007	3,046	2,608
Nợ dài hạn	102	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	8.06	5.72	5.72	5.72	5.72
Nợ dài hạn khác	0.30	29.3	28.8	28.8	28.8
Tổng nợ dài hạn	110	35.0	34.5	34.5	34.5
Tổng nợ phải trả	3,351	3,247	3,061	3,099	2,662
Vốn chủ sở hữu	8,348	8,683	10,036	11,405	12,981
Lợi ích cổ đông thiểu số	244	319	411	506	614
Tổng vốn chủ sở hữu	8,591	9,002	10,446	11,911	13,595
Tổng nợ phải trả và VCSH	11,943	12,249	13,507	15,010	16,257
BVPS (đ)	44,629	38,685	44,712	50,813	57,836
Nợ thuần*/(tiền mặt)	2,026	1,707	545	1,428	1,459

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	996	1,288	1,492	1,614	1,826
Khấu hao	(402)	(456)	(484)	(541)	(528)
Lãi vay thuần	148	207	292	233	271
Thuế TNDN đã nộp	(315)	(259)	(221)	(229)	(260)
Thay đổi vốn lưu động	(470)	742	340	(1,227)	(131)
Khác	(67.0)	(114)	9.23	(55.4)	82.0
LCT thuần từ HKKD	546	2,113	2,103	644	2,045
Đầu tư TS dài hạn	(677)	(705)	(662)	(848)	(949)
Góp vốn & đầu tư	(3,552)	(4,171)	0	0	0
Thanh lý	4.49	10.8	0	0	0
Khác	3,431	4,003	461	442	483
LCT thuần từ HĐĐT	(793)	(863)	(201)	(406)	(466)
Cổ tức trả cho CSH	0	(899)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	56.7	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(129)	(12.5)	(1,240)	(1,121)	(2,111)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(72.5)	(912)	(1,240)	(1,121)	(2,111)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	554	233	570	1,232	349
LCT thuần trong kỳ	(320)	338	662	(883)	(531)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(1.58)	(0.71)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	232	570	1,232	349	(182)
Dòng tiền tự do	(131)	1,408	1,441	(204)	1,096

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	14.9	15.1	16.9	17.0	17.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.9	13.9	15.8	15.6	15.4
Tỷ suất LNT (%)	9.16	9.84	11.8	11.0	11.3
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.0	12.4	12.4	12.4	12.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	(24.2)	24.9	(0.25)	10.6	10.6
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(45.9)	24.7	13.3	9.14	9.19
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(53.5)	34.2	19.2	3.57	13.5
Tăng trưởng EPS (%)	(53.6)	31.9	(0.67)	3.57	13.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(53.6)	9.93	19.2	3.57	13.5
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	40.0	30.3	30.5	29.5	26.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	11.6	14.5	15.7	14.2	14.2
ROACE (%)	12.0	14.5	15.3	14.4	14.3
Vòng quay tài sản (lần)	0.85	1.04	0.97	0.97	0.98
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.55	1.64	1.41	0.40	1.12
Số ngày tồn kho	161	99.8	98.0	121	107
Số ngày phải thu	67.4	75.7	76.4	73.2	75.1
Số ngày phải trả	13.2	9.31	12.8	11.8	11.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	24.5	20.1	5.69	12.8	11.5
Nợ/tài sản (%)	19.1	18.9	13.3	12.0	8.08
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.63	1.33	0.91	0.84	0.56
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.44	2.58	3.10	3.44	4.33
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.25	1.14	1.05	1.02	0.92
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.97	8.21	6.66	6.51	5.98
P/E (lần)	11.2	8.52	8.58	8.28	7.30
P/E ĐC (lần)	11.2	10.2	8.58	8.28	7.30
P/B (lần)	1.26	1.45	1.26	1.11	0.97
Lợi suất cổ tức (%)	3.56	3.56	3.56	3.56	3.56

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn